

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 360/2024/DS-PT
Ngày: 15-8-2024
“V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về
tài sản, hợp đồng bảo hiểm”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Phúc

Bà Hoàng Thị Thúy Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 243/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024, về “tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản, tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 258/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đặng Thành L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2019)

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn C, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty Cổ phần B2 (PJICO).

Địa chỉ trụ sở: Tầng B, Tòa nhà M, Số B T, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Hoàng V, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số I T, Phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền số 128/GUQ-TGD ngày 22/3/2022)

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3.

Người đại diện hợp pháp: Bà Văn Thị T1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số I T, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Đinh Công B (tên gọi khác M), sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số D Ấp D, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lê Ngọc Thúy H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần B2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thành L1, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Thanh N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Đặng Thành L có hợp đồng mua bán qua điện thoại 40 tấn phân Kali với Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3. Vào ngày 24/12/2008, ông L có thuê ông Lê Văn Đ chở 40 tấn phân Kali từ Thành phố Hồ Chí Minh về huyện M bằng ghe biển số BTr-3059H. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 25/12/2008, ông Đ điều khiển chiếc ghe chở 40 tấn phân Kali trên đèo ngã ba Kênh X T - sông V thuộc địa phận huyện T thì va chạm với chiếc ghe của ông Nguyễn Văn T biển số AG-11307 chạy ngược chiều với ghe của ông Đ. Hậu quả là chiếc ghe của ông Đ bị chìm làm 40 tấn phân Kali ông Đ chở bị hư hỏng hoàn toàn, tổng thiệt hại là 386.000.000 đồng.

Ông Đặng Thành L khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Đ và ông Nguyễn Văn T liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản là 40 tấn phân Kali với số tiền là 301.000.000 đồng, không yêu cầu tiền phí vận chuyển và tiền lãi.

Bị đơn ông Lê Văn Đ trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông Lê Văn Đ là chủ phương tiện ghe biển số BTr-3059H. Vào ngày 24/12/2008, ông Đặng Thành L có thuê ông Đ chở 40 tấn phân Kali từ Thành phố Hồ Chí Minh về huyện M bằng phương tiện ghe biển số BTr-3059H với giá 60.000 đồng/tấn. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 25/12/2008, ông Đ điều khiển chiếc ghe này chạy đến ngã ba Kênh X T - sông V thuộc địa phận huyện T thì xảy ra va chạm với chiếc ghe của ông Nguyễn Văn T biển số AG-11307H chạy ngược chiều với ghe của ông. Hậu quả làm ghe ông Đ bị chìm và làm hư hỏng hoàn toàn 40 tấn phân Kali. Ông Đ thống nhất với kết luận của cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T là ông Đ và ông T điều khiển hai chiếc ghe trên đi vào luồng giao nhau không giảm tốc độ và phát tín hiệu, âm hiệu. Ông Đ xác định ghe của ông Đ do ông mua bằng giấy tay nhưng chưa sang tên. Khi bị chìm ghe thì giấy tờ mua bán bị trôi mất nên ông chỉ nhớ tên thường gọi của người bán là ông Út M1 chứ không biết rõ họ tên và địa chỉ của ông Út M1. Sau khi tai nạn xảy ra thì ông Đ đã bán ghe nhưng bán qua trung gian nên cũng không biết người mua. Do vụ án trên đã bị hủy nhiều lần, nay ông Đ đồng ý bồi thường 150.500.000 đồng như Bản án số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Do ông Đ đã thi hành án cho ông L được 26.000.000 đồng nên đồng ý bồi thường số tiền còn lại 124.500.000 đồng nhưng hiện ông Đ gặp khó khăn về kinh tế nên chưa bồi thường.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và yêu cầu độc lập đối với Công ty Cổ phần B2 (PJICO) như sau:

Ông Nguyễn Văn T là chủ ghe biển số AG-11307H. Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 25/12/2008, sự việc va chạm tai nạn đường thủy xảy ra tại ngã ba Kênh X - sông V Tây thuộc địa phận huyện T giữa ghe của ông và ghe biển số BTr-3059H của ông Đ điều khiển chở 40 tấn phân Kali nêu trên. Hậu quả là chiếc ghe của ông Đ bị chìm và làm 40 tấn phân Kali bị hư hỏng toàn bộ. Theo yêu cầu khởi kiện của ông L với số tiền 301.000.000 đồng thì ông đồng ý xác định ông và ông Đ có lỗi, mỗi bên bồi thường ½ thiệt hại với số tiền là 150.500.000 đồng.

Do ông T có mua bảo hiểm chiếc ghe biển số AG-11307H của Chi nhánh Công ty Cổ phần B2 thuộc Công ty Cổ phần B2 (PJICO) theo giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa số 08/AGI/NVU-1230-0211 với mức bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với chủ tàu là 100.000.000 đồng. Do ông T phải bồi thường cho ông L nên ông T yêu cầu Công ty Cổ phần B2 phải bồi thường thay ông T là 100.000.000 đồng như Bản án số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Ông T đồng ý bồi thường cho ông L 50.500.000 đồng như Bản án số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và ông T đã thi hành án xong số tiền 50.500.000 đồng cho ông L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần B2 do ông Đặng Hoàng V đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào tháng 5/2008, ông Nguyễn Văn T có mua bảo hiểm chiếc ghe biển số AG-11307 của Chi nhánh Công ty Cổ phần B2 thuộc Công ty Cổ phần B2

(PJICO) theo giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa số 08/AGI/NVU-1230-0211 do ông Nguyễn Văn L2 – Giám đốc Chi nhánh Công ty Cổ phần B2 đại diện ký ngày 08/5/2008 với mức bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với chủ tàu là 100.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng tính từ ngày 09/5/2008. Ông Đặng Hoàng V là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Cổ phần B2 (PJICO) chỉ đồng ý bồi thường theo quy định của pháp luật.

Do ông T không phải chủ tàu và việc thay đổi chủ tàu không được sự đồng ý bằng văn bản của PETROLIMEX nên công ty không đồng ý bồi thường thiệt hại về tài sản (bồi thường thay ông T) cho ông L là 100.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 16/03/2012, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc Thúy H trình bày:

Bà Lê Ngọc Thúy H là con của ông Đ. Khi ông Đ nhận hàng để chở thì người giao hàng có nhờ bà H ký giùm vào hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH T3 ở mục người mua hàng để hợp thức hóa đơn. Bà H xác định không có giữ vai trò gì trong hoạt động của Doanh nghiệp tư nhân N1 và Công ty T3. Sự việc xảy ra không liên quan đến bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Công B trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 07/05/2012:

Ông Đinh Công B là người làm bến bãi nên có quen biết và hay vận chuyển hàng hóa cho bà Văn Thị T1 là giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3. Bà T1 có nhờ ông B giới thiệu giúp một chiếc ghe có thể chở 40 tấn phân Kali nên ông B giới thiệu ghe của ông Lê Văn Đ. Việc ông B giới thiệu ghe thì ông không có nhận chi phí. Ông B xác định chỉ là người giới thiệu ghe dùm nên đối với sự việc xảy ra thì ông B không có trách nhiệm hay nghĩa vụ gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 do bà Văn Thị T1 trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 02/05/2013:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 có bán 40 tấn phân Kali cho ông L. Việc mua bán giữa hai bên không có lập thành văn bản nhưng hai bên có fax và trực tiếp thỏa thuận. Khi giao phân thì ông L trả tiền và công ty xuất hóa đơn. Công ty đã nhận đủ tiền và giao phân cho ông L. Việc vận chuyển do bên mua thuê, công ty có trách nhiệm từ kho ra bến và đã trả tiền thuê xe chở ra bến với số tiền là 14.000.000 đồng. Quyền sở hữu 40 tấn Kali là của ông L nếu có rủi ro thì ông L phải chịu. Khi tai nạn xảy ra, công ty có hỗ trợ cho ông L số tiền 85.000.000 đồng, Công ty không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền này.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Do vụ án nhiều lần bị hủy xét xử lại. Quá trình tòa án các cấp đã giải quyết như sau:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 38/2010/DS-ST ngày 22/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hóa đã xử:

“1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thành L về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản.

Buộc ông Lê Văn Đ và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Đặng Thành L tổng cộng 465.392.000 đồng tiền thiệt hại về tài sản (mỗi người có nghĩa vụ bồi thường cho ông L 232.696.000 đồng).

Buộc Công ty Cổ phần B2 (PJICO) do Chi nhánh Công ty Cổ phần B2 đại diện có nghĩa vụ bồi thường thay ông Nguyễn Văn T cho ông Đặng Thành L số tiền 100.000.000 đồng. Do đó, ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường tiếp cho ông Đặng Thành L 132.696.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Đặng Thành L có đơn yêu cầu thi hành án, trong trường hợp ông Lê Văn Đ, ông Nguyễn Văn T2 và Công ty Cổ phần B2 (PJICO) do Chi nhánh Công ty Cổ phần B2 đại diện chậm trả thì ông Lê Văn Đ, ông Nguyễn Văn T và Công ty Cổ phần B2 (PJICO) do Chi nhánh Công ty Cổ phần B2 đại diện còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N2 quy định tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Đ phải nộp 5.817.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Ông Nguyễn Văn T phải nộp 6.634.800 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Công ty Cổ phần B2 (PJICO) do Chi nhánh Công ty Cổ phần B2 đại diện phải nộp 5.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Đặng Thành L 10.600.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông L đã nộp (do bà Nguyễn Thị Thanh N nộp thay) theo biên lai thu số 002828 ngày 27/5/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An”.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn T kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 112/2011/DS-PT ngày 10/5/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2010/DS-ST ngày 22/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa xét xử lại vụ án; với lý do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng và chưa thu thập đủ chứng cứ. Bản án còn tuyên về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông T 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0020524 ngày 02/12/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2014/DS-ST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An đã xử:

“Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thành L đối với ông Lê Văn Đ và ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ bồi thường cho ông Đặng Thành L số tiền 150.500.000 đồng (một trăm năm mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Đặng Thành L số tiền 50.500.000 đồng (năm mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

Buộc Công ty Cổ phần B2 (PJICO) phải bồi thường cho ông Đặng Thành L thay ông Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn Đ phải chịu 3.762.500 đồng. Ông Nguyễn Văn T phải chịu 2.525.000 đồng. Công ty Cổ phần B2 phải chịu 5.000.000 đồng. H1 lại cho ông Đặng Thành L 10.600.000 đồng theo biên lai thu số 002828 ngày 27/5/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 07/10/2014, ông Nguyễn Văn T kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2014/DS-ST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An. Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002714 ngày 08/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Tại Văn bản số 1073/CTHA ngày 26/11/2015, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xem xét theo trình tự giám đốc thẩm đối với Bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; với lý do: Thủ tục ủy quyền không phù hợp nên Công ty Cổ phần B2 (PJICO) không đồng ý bồi thường nên không thi hành án được.

Tại Quyết định kháng nghị số 162/2018/KN-DS ngày 20/6/2018 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2014/DS-ST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An và Bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 342/2018/DS-GĐT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2014/DS-ST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa đã căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 584, 585, 589, 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 15, Điều 24, Điều 45, Điều 51 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thành L đối với ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ bồi thường cho ông Đặng Thành L số tiền 124.500.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty Cổ phần B2 (PJICO) về hợp đồng bảo hiểm.

Buộc Công ty Cổ phần B2 (PJICO) phải bồi thường cho ông Đặng Thành L thay ông Nguyễn Văn T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Đ phải chịu số tiền 6.225.000 đồng (sáu triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Công ty Cổ phần B2 (PJICO) phải chịu số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho ông Đặng Thành L số tiền 10.600.000 đồng (mười triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông L đã nộp theo biên lai thu số 002828 ngày 27/5/2010 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông T đã nộp theo biên lai thu số 0003927 ngày 04/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 06/4/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần B2 kháng cáo một phần bản án không đồng ý nghĩa vụ bồi thường của Công ty Cổ phần B2.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông Đặng Hoàng V là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần B2 trình bày nội dung kháng cáo cho rằng: Theo giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy ngày 08/5/2008 của Công ty Cổ phần B2 (PJCO), thì người mua bảo hiểm là ông Trương Văn S chủ ghe biển số AG -11307H, được bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hàng hóa với mức trách nhiệm bảo hiểm là 100.000.000 đồng/vụ tổn thất. Thời điểm này ông T chỉ là người được mua bảo hiểm trách nhiệm về con người. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đúng người được thanh toán tiền bảo hiểm. Trong trường hợp công ty phải thanh toán tiền bảo hiểm thì đề nghị khấu trừ 15% số tiền bảo hiểm như đã thỏa thuận trong giấy chứng nhận bảo hiểm.

Ông Nguyễn Văn T Trình bày: Ông đồng ý bồi thường cho ông L 150.500.000 đồng. Tuy nhiên, ông mua lại ghe của ông Trương Văn S (đã chết); ông đã thanh toán đủ tiền cho ông S và nhận ghe sử dụng. Do thời điểm này ông S chưa sang tên cho ông nên khi ông mua bảo hiểm nhân viên bảo hiểm tư vấn ghi tên ông S, thực tế ông là người bỏ tiền ra mua bảo hiểm hàng hóa, thân ghe và người trên ghe 03 người gồm ông, vợ và con của ông đã được ghi trong giấy chứng nhận bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm có giá trị 100.000.000 đồng. Theo giấy chứng nhận bảo hiểm thì Công ty thanh toán 85% giá trị hợp đồng. Ông đã thi hành án bồi thường một phần cho ông L 50.500.000 đồng, còn lại chưa thi hành án 100.000.000 đồng. Do đó, nay ông đề nghị Công ty B2 thanh toán cho ông L số tiền trong phạm vi bảo hiểm 85% của số tiền 100.000.000 đồng là 85.000.000 đồng, còn 15% còn lại với số tiền 15.000.000 đồng ông T là người thanh toán cho ông L.

Ông Lê Văn Đ trình bày: Ông đồng ý bản án sơ thẩm, ông không kháng cáo.

Bà Nguyễn Thị Thanh N trình bày: Tổng thiệt hại ông L yêu cầu ông Đ và ông T bồi thường là 301.000.000 đồng. Ông L và ông T mỗi người có nghĩa vụ bồi thường cho ông L 150.500.000 đồng. Trong quá trình thi hành án ông T đã thi hành án cho ông L số tiền 50.500.000 đồng; ông Đ đã thi hành án cho ông L được 26.000.000 đồng. Nay bà đồng ý Công ty bảo hiểm thanh toán cho ông L thay cho ông T số tiền trong phạm vi bảo hiểm 85% với số tiền là 85.000.000 đồng, còn 15% còn lại với số tiền 15.000.000 đồng ông T là người thanh toán cho ông L.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng

cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo, quan điểm giải quyết vụ án:

Ngày 08/4/2024, Công ty Cổ phần B2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về trách nhiệm bồi thường, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm cải sửa bản án sơ thẩm theo hướng PJICO không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản trong vụ án này.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét kháng cáo của Công ty Cổ phần B2 (PJICO), thấy rằng:

Về thiệt hại xảy ra, lỗi của các bên gây ra thiệt hại: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiệt hại thực tế 301.000.000 đồng, đồng thời xác định ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn Đ cùng có lỗi ngang nhau trong việc gây thiệt hại cho ông Đặng Thành L là có căn cứ. Các đương sự không ai có kháng cáo về vấn đề này.

Về trách nhiệm bồi thường: Do ông Đ và ông T đều có lỗi ngang nhau nên mỗi người phải bồi thường thiệt hại cho ông L số tiền 150.500.000 đồng. Do ông Đ đã bồi thường cho ông L số tiền 26.000.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp 124.500.000 đồng như bản án đã tuyên; còn ông T đã bồi thường cho ông L số tiền 50.500.000 đồng nên còn phải bồi thường tiếp số tiền 100.000.000 đồng.

Ông T có đơn yêu cầu độc lập, ông không đồng ý bồi thường số tiền 100.000.000 đồng còn lại vì cho rằng ông có mua bảo hiểm trách nhiệm chủ tàu với mức 100.000.000 đồng tại Công ty Cổ phần B2 (PJICO) nên khi xảy ra thiệt hại thì công ty B2 phải có nghĩa vụ bồi thường thay ông T bồi thường cho ông L số tiền 100.000.000 đồng là phần thiệt hại còn lại. Phía Công ty Cổ phần B2 (PJICO) không đồng ý, vì tàu chuyển chủ mà ông T không thông báo cho bên bảo hiểm biết khi mua bảo hiểm, việc Tòa án phán quyết buộc công ty phải chi trả tiền bồi thường cho ông L là trái với nguyên tắc bảo hiểm.

Xét thấy, ông T là người mua bảo hiểm vào ngày 08/05/2008, giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy thể hiện ông T là người nộp đơn mua bảo hiểm và Công ty B2 có ghi bên gốc trái phía dưới của giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy “ký nhận đơn Nguyễn Văn T”, đồng thời con ông S xác nhận ông S bán tàu cho ông T từ ngày 09/10/2007. Như vậy, Công ty Cổ phần B2 (PJICO) đã biết chủ tàu thật sự là ông T nên công ty phải bồi thường cho ông T theo hợp đồng đã ký kết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T yêu cầu Công ty Cổ phần B2 (PJICO) phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và đề nghị chuyển giao nghĩa vụ cho công ty B2 trả thay cho ông T đối với số tiền 100.000.000 đồng là nghĩa vụ của ông T phải bồi thường cho ông L. Bà N đại diện cho ông L cũng đồng ý nhận tiền bồi thường trực tiếp từ Công ty B2 (PJICO). Như vậy, bên có nghĩa vụ là ông T đã chuyển giao nghĩa vụ cho bên thế nghĩa vụ là Công ty B2 (PJICO), có sự đồng ý của bên có quyền là ông L do bà N đại diện đồng ý nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty B2 (PJICO) thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho ông L thay cho

ông T đối với số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, không trái với nguyên tắc chi trả bảo hiểm và phù hợp theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, kháng cáo của Công ty Cổ phần B2 (PJICO) là không có cơ sở chấp nhận.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty B2 cho rằng hợp đồng bảo hiểm ký kết ngày 08/5/2008 có điều khoản về bồi thường thiệt hại tài sản cao nhất là 85% giá trị hợp đồng có nghĩa là Công ty bảo hiểm có nghĩa vụ bồi thường thay cao nhất là 85.000.000 đồng, ông T cũng thừa nhận khi ký hợp đồng nhân viên bảo hiểm có giải thích cho ông hiểu về điều khoản này và ông đồng ý, do đó ông yêu cầu Công ty B2 85.000.000 đồng, số tiền còn thiếu để thi hành án cho ông L thì ông đồng ý tiếp tục bồi thường là 15.000.000 đồng.

Ông T có yêu cầu Công ty B2 thực hiện nghĩa vụ cho ông L thay ông và được người đại diện ông L đồng ý, xét thấy việc chuyển giao nghĩa vụ là phù hợp với quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần B2 (PJICO). Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty Cổ phần B2 được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Lê Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, ông Đặng Hoàng V có mặt. Các đương sự còn lại đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Đặng Thành L khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn Đ và ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản tổng cộng 301.000.000 đồng. Quá trình thi hành án ông Lê Văn Đ đã thi hành án bồi thường cho ông Đặng thành L3 số tiền 26.000.000 đồng (Bút lục 523). Ông Nguyễn Văn T đã thi hành án bồi thường cho ông Đặng Thành L số tiền 50.500.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T là người được bảo hiểm về tài sản nên yêu cầu Công ty Cổ phần B2 (PJICO) do Chi nhánh Công ty Cổ phần B2 đại diện có nghĩa vụ bồi thường thay cho ông Đặng Thành L số tiền 100.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông L và ông T. Sau khi xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần B2 kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng Công ty Cổ phần B2 không có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại; các đương sự còn lại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Công ty Cổ phần B2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại phần của bản án sơ thẩm có kháng cáo, liên quan đến nội dung kháng cáo của đương sự.

[4] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần B2, thấy rằng:

[4.1] Các đương sự trình bày thống nhất:

Khoảng 01 giờ ngày 25/12/2008, chiếc ghe biển số BTr-3059H do ông Lê Văn Đ điều khiển va chạm với chiếc ghe biển số AG-11307H do ông Nguyễn Văn T điều khiển, hậu quả là ghe của ông Đ bị chìm. Theo bản Kết luận điều tra số 39 ngày 20/5/2009 của Cơ quan điều tra - Công an huyện T thì nguyên nhân chính xảy ra tai nạn là do ông Đ và ông T điều khiển phương tiện đi vào luồng giao nhau, không giảm tốc độ và không phát tín hiệu. Theo biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai tại Cơ quan điều tra - Công an huyện T thì ông Đ và ông T đều thừa nhận là khi điều khiển hai chiếc ghe trên chạy đến ngã ba Kênh X T - sông V, ông Đ và ông T không phát tín hiệu, âm hiệu và xác định lỗi ông Đ và ông T đã vi phạm các quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường thủy theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật giao thông đường thủy nội địa.

[4.2] Về thiệt hại xảy ra, lỗi của các bên gây ra thiệt hại: Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiệt hại thực tế là 301.000.000 đồng, đồng thời xác định ông Nguyễn Văn T và ông Lê Văn Đ cùng có lỗi ngang nhau gây ra thiệt hại cho ông Đặng Thành L là có căn cứ. Các đương sự không ai có kháng cáo về vấn đề này.

[4.3] Về trách nhiệm bồi thường:

Ông Đ và ông T đều có lỗi ngang nhau nên mỗi người phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông L số tiền 150.500.000 đồng.

Xét thấy, việc tranh chấp giữa các bên đương sự đã được giải quyết tại Bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An. Mặc dù, bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT đã bị hủy, nhưng bản án phúc thẩm nêu trên được thi hành một phần nghĩa vụ cụ thể như sau:

Ông Đ đã bồi thường cho ông L số tiền 26.000.000 đồng nên phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 124.500.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên; ông Đ thống nhất với bản án sơ thẩm về phần nghĩa vụ của ông nên ông không kháng cáo.

Đối với nghĩa vụ bồi thường của ông T: Ông T đã bồi thường cho ông L số tiền 50.500.000 đồng nên còn lại số tiền 100.000.000 đồng. Ông T cho rằng ông có mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự về hàng hóa nên ông T yêu cầu Công ty Cổ phần B2 (PJICO) có nghĩa vụ bồi thường trách nhiệm dân sự cho ông L

trong phạm vi số tiền 100.000.000 đồng nên các đương sự không thống nhất ai là người có nghĩa vụ bồi thường cho ông L.

[4.4] Xét yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T thấy rằng:

Theo giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy số 70008839 ngày 08/5/2008 của Công ty Cổ phần B2 (PJCO), thì người mua bảo hiểm là ông Trương Văn S đối với tàu/ghe biển số AG-11307H, được bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hàng hóa, tài sản chuyên chở trên tàu, thuyền với mức trách nhiệm bảo hiểm là 100.000.000 đồng/vụ tổn thất. Mức khấu trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hàng hóa là 15% số tiền bảo hiểm. Số người được bảo hiểm là 03 người gồm ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Thái B1 (con ông T), bà Lê Thị X (vợ ông T).

Theo đơn xác nhận ngày 21/02/2021 của ông Trương Văn C xác định, ông C là con của ông Trương Văn S đã chết, ngày 09/10/2007, ông S có bán cho ông Nguyễn Văn T chiếc ghe biển số AG-11307H, trọng tải 49 tấn. Ông T đã sử dụng chiếc ghe, nhưng chưa sang tên, ông T sử dụng ghe gây tai nạn thì ông T chịu trách nhiệm không liên quan gì đến gia đình ông, gia đình ông không tranh chấp quyền sở hữu chiếc ghe (Bút lục 307).

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 22/11/2010, Công ty Cổ phần B2 xác định vào tháng 5 năm 2008, ông T có mua bảo hiểm chiếc ghe biển số AG-11307H của Chi nhánh Công ty Cổ phần B2 thuộc Công ty Cổ phần B2 (PJCO) với mức bảo hiểm trách nhiệm dân sự về tài sản là 100.000.000 đồng/vụ, về người là 10.000.000 đồng/vụ (Bút lục 126-129).

Ông T xác định, thời điểm ông mua bảo hiểm do ông S đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu ghe nên nhân viên Công ty B2 giải thích ghi tên ông S, trên thực tế ông là người đóng tiền và mua bảo hiểm. Lời trình bày của ông T phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đủ căn cứ xác định Công ty P đã biết chủ tàu thật sự là ông T và ông T là người đã thực hiện mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với tàu/ghe biển số AG-11307H nên ông T là người có quyền khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền bảo hiểm liên quan đến ghe này. Do đó, Công ty B2 phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản trong phạm vi được bảo hiểm.

Theo giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy số 70008839 ngày 08/5/2008 được bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hàng hóa, tài sản chuyên chở trên tàu, thuyền được bảo hiểm với mức trách nhiệm bảo hiểm là 100.000.000 đồng/vụ tổn thất. Mức khấu trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hàng hóa là 15% số tiền bảo hiểm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần B2 xác định trong trường hợp Công ty có nghĩa vụ thanh toán tiền bảo hiểm thì phải khấu trừ bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với hàng hóa là 15% của số tiền bảo hiểm 100.000.000 đồng với số tiền khấu trừ là 15.000.000 đồng, công ty chỉ có nghĩa vụ thanh toán 85% với số tiền 85.000.000 đồng. Ông T cũng thừa nhận khi ký hợp đồng nhân viên bảo hiểm có giải thích cho ông hiểu

về khấu trừ phí bảo hiểm là 15% như công ty trình bày. Ông T đồng ý thanh toán cho ông L 15.000.000 đồng là phần còn lại sau khi khấu trừ cho công ty B2 là phù hợp.

[4.5] Về nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 370 Bộ luật Dân sự năm 2015 về chuyển giao nghĩa vụ:

“Điều 370. Chuyển giao nghĩa vụ

1. Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ.

2. Khi được chuyển giao nghĩa vụ thì người thế nghĩa vụ trở thành bên có nghĩa vụ.”

Như vậy, ông T yêu cầu Công ty B2 có nghĩa vụ bồi thường số tiền 85.000.000 đồng cho ông L thay cho ông T có nghĩa rằng bên có nghĩa vụ là ông T đã chuyển giao nghĩa vụ cho bên thế nghĩa vụ là Công ty B2 (PJICO), có sự đồng ý của bên có quyền là ông L do bà N đại diện đồng ý nhận là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty B2 (PJICO) thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho ông L thay cho ông T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4.6] Về kết quả các khoản đã thi hành án:

Theo Công văn số 1137/CCTHADS ngày 29/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An; Công văn số 142/CCTHADS ngày 20/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh An Giang; Công văn số 317/CCTHADS ngày 29/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh những khoản tiền đã thi hành án như sau:

Về nghĩa vụ bồi thường thiệt hại: Ông Lê Văn Đ đã thi hành án bồi thường cho ông Đặng Thành L số tiền 26.000.000 đồng (Bút lục 523). Ông Nguyễn Văn T đã thi hành án bồi thường cho ông Đặng Thành L số tiền 50.500.000 đồng (Bút lục 521).

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T đã thi hành án 2.525.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước (Bút lục 521); ông Nguyễn Văn T đã thi hành án 200.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo biên lai thu số 0002714 ngày 08/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An (Bút lục 535).

Như vậy, các khoản tiền các đương sự đã thi hành được căn trừ vào số tiền bồi thường cho các đương sự, cụ thể:

Ông Lê Văn Đ phải bồi thường cho ông Đặng Thành L số tiền 150.500.000 đồng. Do ông Đ đã thi hành bồi thường cho ông L được 26.000.000 đồng nên ông Đ phải bồi thường số tiền còn lại cho ông L là 124.500.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T phải bồi thường cho ông Đặng Thành L số tiền 150.500.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T đã bồi thường đủ cho ông L số tiền 50.500.000 đồng. Công ty Cổ phần B2 (PJICO) phải bồi thường cho ông Đặng Thành L thay ông Nguyễn Văn T số tiền 85.000.000 đồng nên ông T còn phải bồi thường số tiền còn lại cho ông L là 15.000.000 đồng.

Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần B2, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn Đ, ông Nguyễn Văn T, Công ty Cổ phần B2 (PJICO) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên nghĩa vụ phải bồi thường cho ông Đặng Thành L. Cụ thể:

Ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ phải bồi thường cho ông Đặng Thành L 150.500.000 đồng. Ông Đ đã bồi thường cho ông L số tiền 26.000.000 đồng, ông Đ còn phải bồi thường cho ông L số tiền còn lại là 124.500.000 đồng. Tuy nhiên, ông Đ chưa thực hiện nghĩa vụ nộp án phí đối với số tiền 26.000.000 đồng đã bồi thường cho ông L nên ông Đ phải thực hiện nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với toàn bộ nghĩa vụ bồi thường cho ông L là 7.525.000 đồng.

Công ty Cổ phần B2 (PJICO) phải chịu số tiền 4.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tính trên nghĩa vụ bồi thường cho ông Đặng Thành L thay ông Nguyễn Văn T là 85.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 3.275.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tính trên nghĩa vụ bồi thường cho ông Đặng Thành L là 65.500.000 đồng. Ông T đã nộp số tiền 2.525.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T còn phải nộp tiếp 750.000 đồng án phí sơ thẩm; được khấu trừ từ số tiền 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông T đã nộp theo biên lai thu số 0003927 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An. H1 lại cho ông Nguyễn Văn T 1.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí còn thừa.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 112/2011/DS-PT ngày 10/5/2011, Tòa án nhân dân tỉnh Long An giải quyết vụ án nêu trên đã hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2010/DS-ST ngày 22/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An, giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa xét xử lại vụ án, ông T được hoàn trả 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0020524 ngày 02/12/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm số 68/2014/DS-ST ngày 26/9/2014 nên ông T kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2014/DS-ST ngày 26/9/2014. Ông T phải chịu 200.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đã khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã

nộp theo biên lai thu số 0002714 ngày 08/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Quyết định giám đốc thẩm số 342/2018/DS-GĐT ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 183/2015/DS-PT ngày 22/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An và Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2014/DS-ST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa. Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm, không đồng ý với quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 04/4/2024 nên Công ty Cổ phần B2 (PJICO) kháng cáo.

Như đã phân tích ở trên thấy rằng kháng cáo của Công ty Cổ phần B2 (PJICO) là có căn cứ được chấp nhận một phần, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Căn cứ Điều 29, Điều 18 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông T được hoàn lại 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (đã được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa khấu trừ) theo biên lai thu số 0002714 ngày 08/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa. H1 lại cho Công ty Cổ phần B2 (PJICO) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần B2.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2024/DS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự; các Điều 15, Điều 24, Điều 45, Điều 51 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022; các Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thành L đối với ông Lê Văn Đ về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản.

Buộc ông Lê Văn Đ có nghĩa vụ bồi thường cho ông Đặng Thành L số tiền 124.500.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của ông Nguyễn Văn T đối với Công ty Cổ phần B2 (PJICO) về hợp đồng bảo hiểm.

2.1. Buộc Công ty Cổ phần B2 (PJICO) phải bồi thường cho ông Đặng Thành L thay ông Nguyễn Văn T số tiền 85.000.000 đồng (tám mươi lăm triệu đồng).

2.2. Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ bồi thường cho ông Đặng Thành L số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Đặng Thành L không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Đặng Thành L số tiền 10.600.000 đồng (mười triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 002828 ngày 27/05/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

4.2. Buộc ông Lê Văn Đ phải chịu số tiền 7.525.000 đồng (bảy triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.3. Buộc Công ty Cổ phần B2 (PJICO) phải chịu số tiền 4.250.000 đồng (bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.4. Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm, khấu trừ từ số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003927 ngày 04/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hoá, tỉnh Long An. H1 lại cho ông Nguyễn Văn T 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn thừa.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

5.1. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002714 ngày 08/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

5.2. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần B2 (PJICO) 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003954 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Hóa, tỉnh Long An.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Thạnh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân